

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Phó Thủ Tướng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị ngân hàng tiếp tục hạ thêm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng của dịch Covid-19

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VCS, FMC

[Cập nhật công ty]

MCH

[Quan điểm đầu tư]

Ngoài vị thế nắm giữ trung hạn, NĐT tiếp tục được khuyến nghị có thể linh hoạt mua/bán trading 1 phần tỷ trọng ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ/kháng cự gần đối với các mã mục tiêu

30/12/2021

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,485.97 | +0.01 |
| VN30 | 1,519.62 | +0.24 |
| HĐTL VN30F1M | 1,525.50 | +0.43 |
| HNXIndex | 461.65 | +0.83 |
| HNX30 | 787.93 | +1.30 |
| UPCoM | 111.56 | +0.72 |
| USD/VND | 22,800 | -0.20 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.11 | -0 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.86 | +9 |
| Dầu (WTI, \$) | 76.44 | -0.16 |
| Vàng (LME, \$) | 1,800.92 | -0.21 |



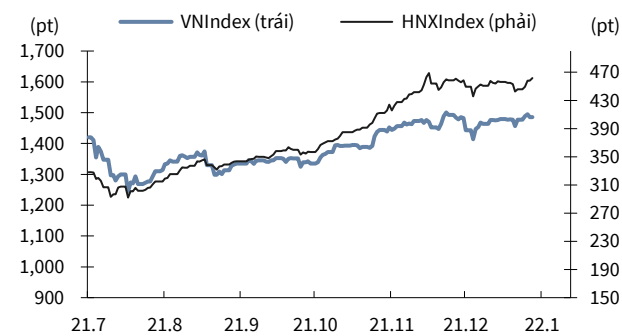
Điểm nhấn thị trường

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| VNIndex | 1,485.97 (+0.01%) |
| KLGD (triệu CP) | 747.9 (-2.7%) |
| GTGD (triệu US\$) | 966.2 (-13.4%) |
| HNXIndex | 461.65 (+0.83%) |
| KLGD (triệu CP) | 123.3 (+6.8%) |
| GTGD (triệu US\$) | 135.5 (-1.9%) |
| UPCoM | 111.56 (+0.72%) |
| KLGD (triệu CP) | 90.5 (-9.3%) |
| GTGD (triệu US\$) | 75.9 (+3.1%) |

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +4.3

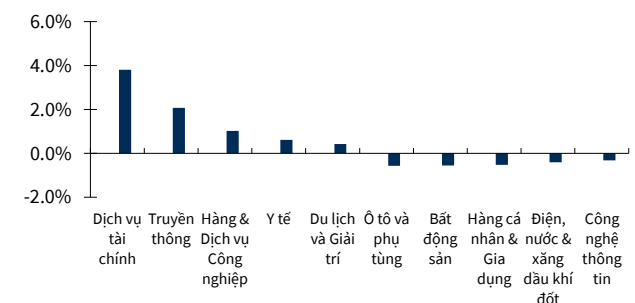
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Phó Thủ Tướng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị ngân hàng tiếp tục hạ thêm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tổng Thư ký VASEP nhận định, năm 2022, kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp cá tra Việt Nam đạt 1.7 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2021 giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở ASM (+0.9%). Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm quý IV/2021 ước tính tăng 14.8% so với cùng kỳ năm trước, theo đó ước tính cả năm 2021 doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm tăng 15,6% so với năm trước tác động tích cực đến cổ phiếu bảo hiểm ở MIG (+1.5%), PGI (+0.2%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (-0.1%), SSI (+6%), VCG (-2.1%).

VNIndex & HNXIndex



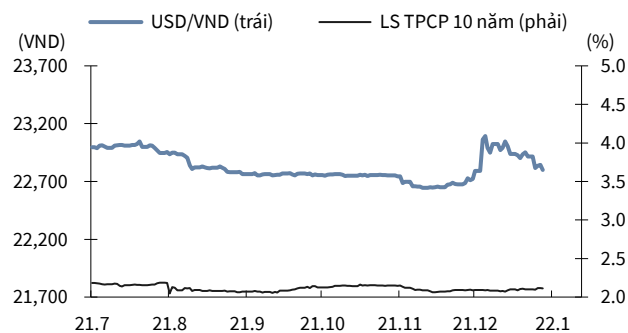
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



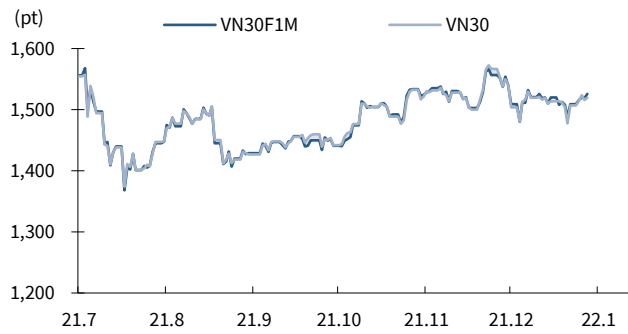
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,519.62 (+0.24%) |
| VN30F1M | 1,525.5 (+0.43%) |
| Mở cửa | 1,518.9 |
| Cao nhất | 1,533.5 |
| Thấp nhất | 518.2 |
| KLGD (HĐ) | 103,344 (-1.8%) |

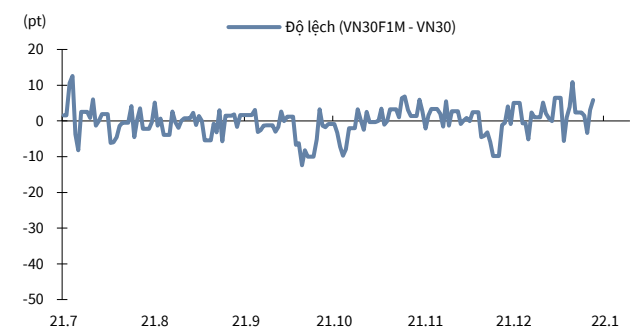
Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2201 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 2.9, chỉ biến động giằng co trong đầu phiên sáng, sau đó biến động duy trì ở mức dương tới cuối phiên, và tăng lên mức cao nhất đạt 10.12 điểm trước khi đóng cửa ở mức 5.88 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



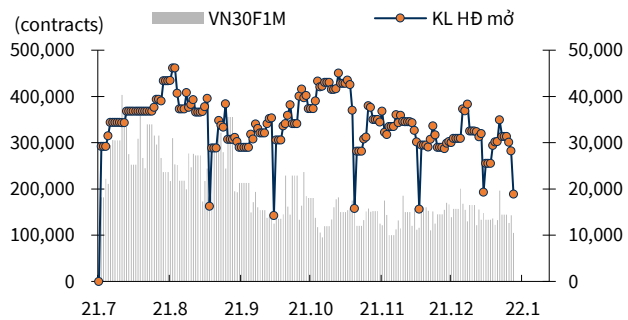
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



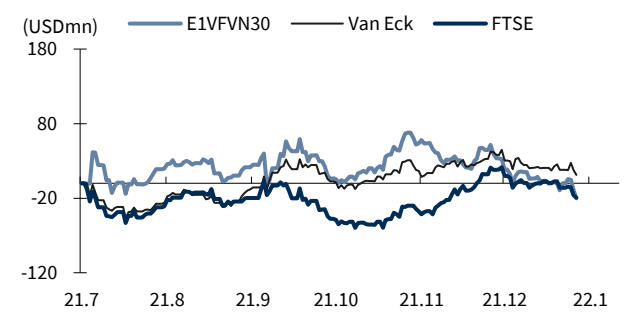
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

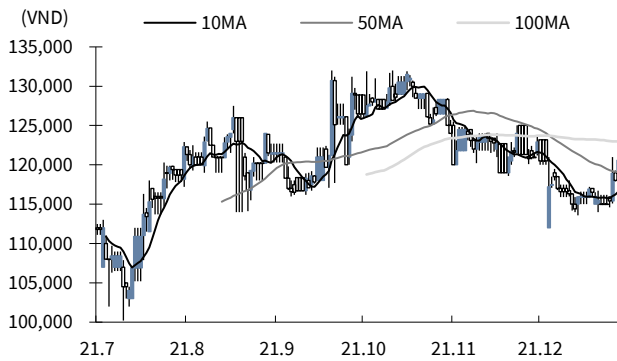
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

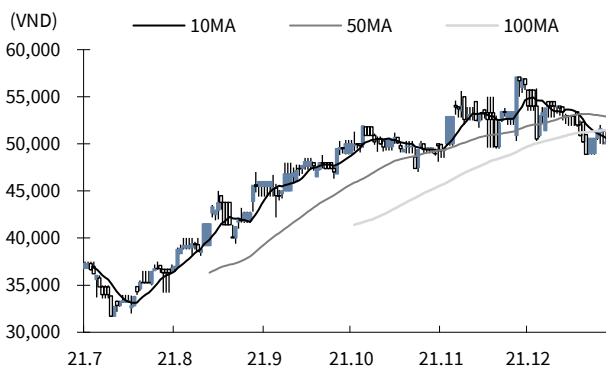
Vicostone (VCS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCS tăng 2.2% lên 120,600 VND/cp
- Vicostone ước tính lợi nhuận trước thuế quý IV đạt 553 tỷ đồng (+2.5% YoY) và doanh thu đạt 1,855 tỷ đồng (+11.7% YoY).
- Lũy kế cả năm 2021, Vicostone ước ghi nhận lợi nhuận trước thuế 2,095 tỷ đồng (+25.6% YoY) và doanh thu 7,061 tỷ đồng (+24.4% YoY).

Thực phẩm Sao Ta (FMC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC giảm 2.33% xuống 50,200 VND/cp
- Công ty cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam thông báo đã mua hơn 6.5 triệu cổ phiếu Thực phẩm Sao Ta thông qua phát hành riêng lẻ và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm. Qua đó, khối lượng cổ phiếu FMC sở hữu bởi CTCP Chăn nuôi C.P Việt Nam tăng từ 9.7 triệu đơn vị lên 16.3 triệu đơn vị, tương đương tỷ lệ từ 16.56% lên 24.9%.

CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH)

Báo cáo lần đầu: Triển vọng kinh doanh tươi sáng cùng lợi thế lớn từ tập đoàn

30/12/2021

 Chuyên viên phân tích Lương Ngọc Tuấn Dũng
 dunglnt@kbsec.com.vn

Ông lớn trong ngành hàng tiêu dùng, hưởng lợi từ hệ sinh thái tập đoàn

CTCP Hàng tiêu dùng Masan (Masan Consumer) là công ty con của Tập đoàn Masan (MSN), đồng thời là một công ty với vị thế dẫn đầu trong ngành hàng tiêu dùng. MCH sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng và đặc biệt được hưởng lợi nhờ hệ sinh thái rộng của Tập đoàn.

Theo đuổi chiến lược cao cấp hoá sản phẩm đem lại kết quả tích cực

Với nhu cầu đối với các sản phẩm cao cấp ngày càng gia tăng nhờ thu nhập và nhận thức của người tiêu dùng ngày càng nâng cao. MCH đã định hình cho mình chiến lược cao cấp hoá sản phẩm ở hầu hết các ngành nhỏ đang tham gia kinh doanh như: thực phẩm tiện lợi, gia vị (nước mắm, nước tương).

KQKD ổn định đi kèm với tình hình tài chính lành mạnh

Doanh thu 9T/2021 đạt 18,694 tỷ đồng (+14.3% YoY) so với doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2020 (16,359 tỷ đồng). Ngoài ra, biên LNG sau 9T/2021 đạt 41.1% (tăng 0.4 điểm % so với mức 40.7% cùng kì 2020). Tình hình tài chính của MCH cũng rất lành mạnh với tỉ lệ tiền và tương đương tiền ở mức ổn định, đi kèm với chính sách trả cổ tức tiền mặt qua các năm.

Khuyến nghị: MUA – giá mục tiêu: 151,200 VNĐ/cp

Chúng tôi dự phóng doanh thu thuần của MCH đạt 27,749 tỷ đồng (+18.8% YoY) và LNST đạt 4,920 tỷ đồng (+7% YoY). Cho năm 2022, chúng tôi kì vọng MCH đạt doanh thu 32,181 tỷ đồng (+15.9%) và LNST sẽ tăng mạnh trong năm 2022 đạt 5,840 tỷ đồng (+18.7% YoY). Dựa vào triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA với cổ phiếu MCH, giá mục tiêu 151,200 VNĐ/cp, cao hơn 32.6% mức giá đóng cửa ngày 29/12/2021.

Rating change

Giá mục tiêu 151,200 VNĐ

| | |
|---|-------------|
| Tăng/giảm (%) | 32.6% |
| Giá hiện tại (29/12/2021) | 114,000 VNĐ |
| Vốn hoá thị trường (nghìn tỷ VNĐ/triệu USD) | 82.173/3.57 |

Dự phóng KQKD & định giá

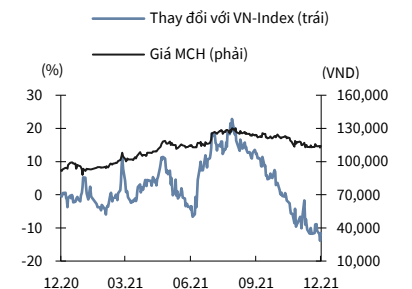
| FY - end | 2019A | 2020A | 2021F | 2022F |
|----------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh số thuần (tỷ VNĐ) | 18,488 | 23,343 | 27,757 | 32,189 |
| Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh | 4,513 | 5,407 | 5,789 | 6,872 |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ) | 4,062 | 4,598 | 4,918 | 5,839 |
| EPS (nghìn VNĐ) | 5,727 | 6,403 | 6,767 | 8,034 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 3.2% | 11.8% | 5.6% | 18.7% |
| P/E (x) | 12.6 | 14.5 | 16.6 | 14.0 |
| P/B (x) | 4.2 | 4.7 | 5.4 | 4.9 |
| ROE (%) | 33% | 36% | 34% | 35% |
| Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%) | 45% | 45% | 45% | 45% |

Dữ liệu giao dịch

| | |
|------------------------------|-------------------------------------|
| Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng | 10% |
| GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ, USD) | 1.039/45,209 |
| Sở hữu nước ngoài | 1.87% |
| Cổ đông lớn | CT TNHH MTV Masan Consumer Holdings |

Biến động giá cổ phiếu

| (%) | 1M | 3M | 6M | 12M |
|-----------|----|-----|-----|-----|
| Tương đối | -1 | -9 | -3 | 25 |
| Tuyệt đối | -1 | -15 | -13 | -12 |

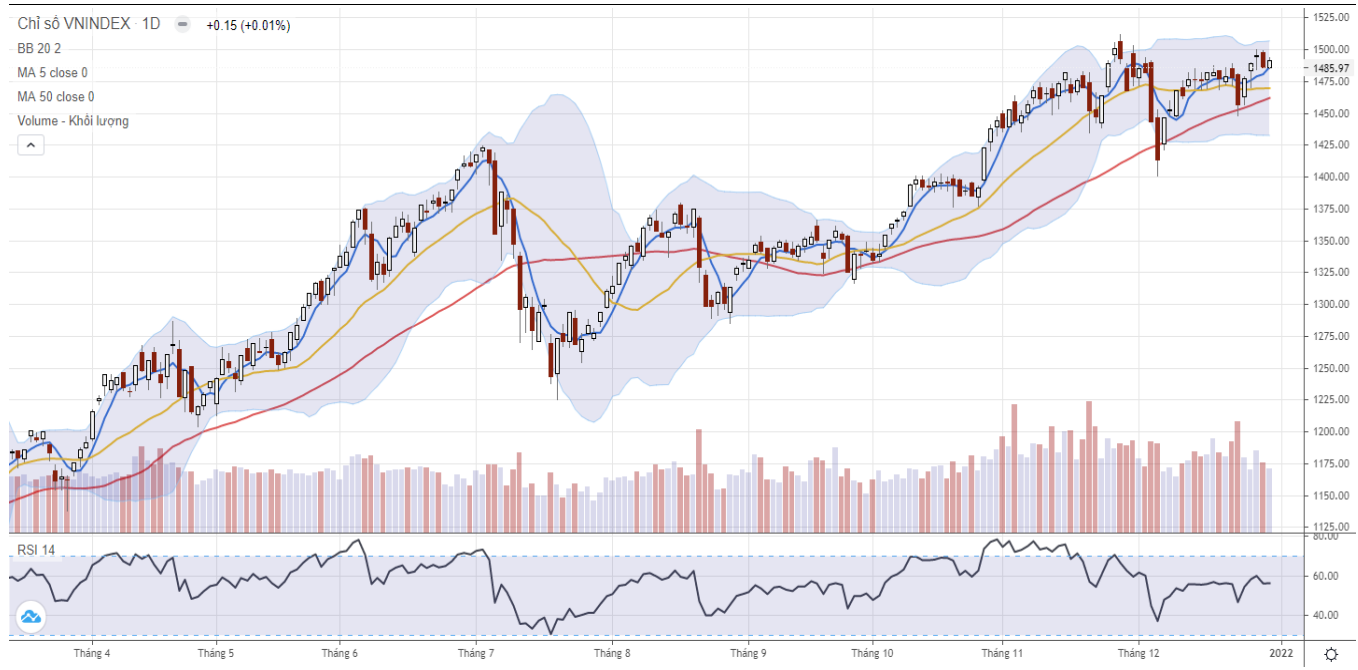


Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

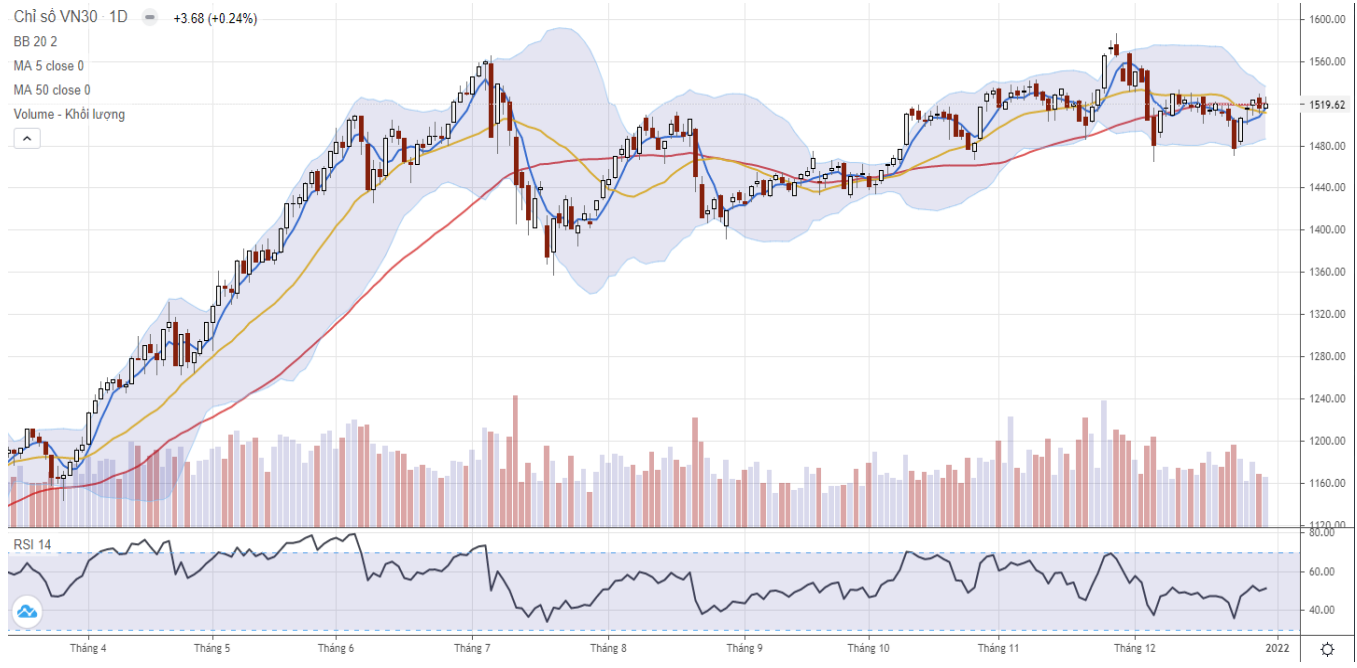
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



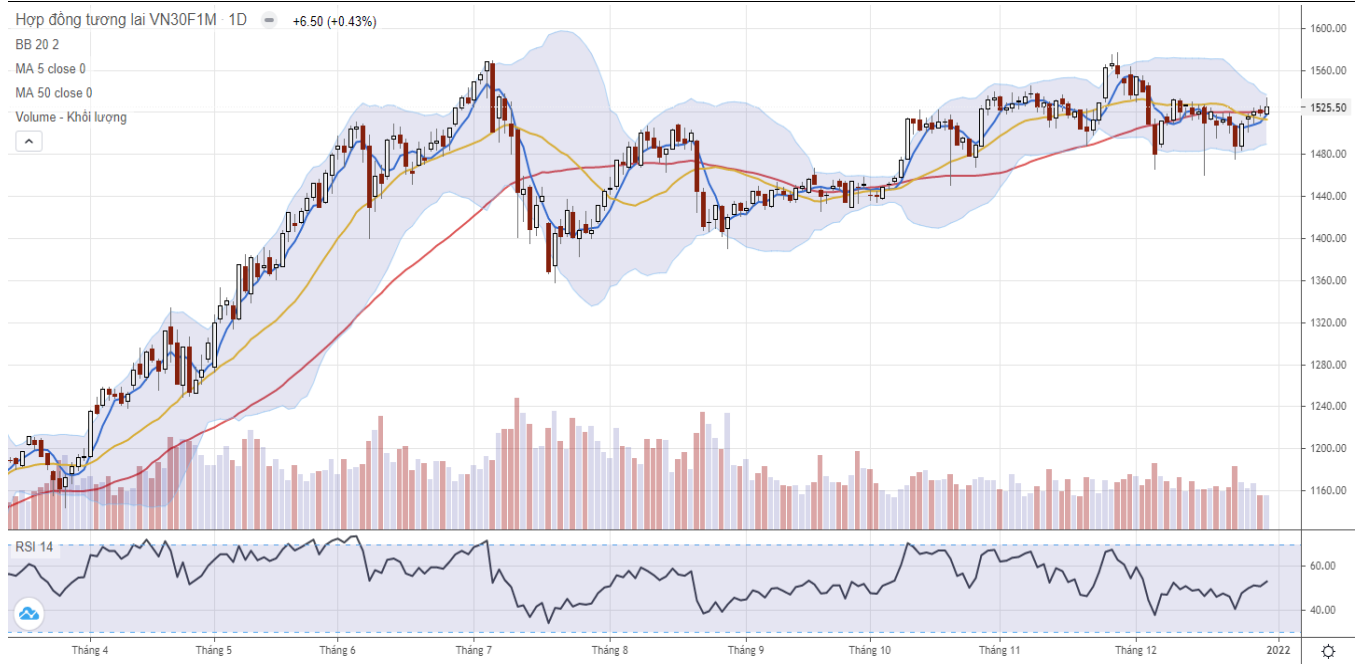
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và giảm điểm giằng co đến cuối phiên, đánh mất phần lớn thành quả đạt được.
- Việc chỉ số chưa vượt được vùng kháng cự mạnh quanh 1500 để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới. Mặc dù vậy, chúng tôi tiếp tục nghiêng về kịch bản chỉ số sẽ lấy lại cân bằng và có cơ hội hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ gần 1471-1476.
- Ngoài vị thế nắm giữ trung hạn, NĐT tiếp tục được khuyến nghị có thể linh hoạt mua/bán trading 1 phần tỷ trọng ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ/kháng cự gần đối với các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1539 – 1544

Kháng cự gần: 1528 – 1531

Hỗ trợ gần: 1514 – 1519

Hỗ trợ xa: 1501 – 1506

- F1 ghi nhận một nhịp hồi phục tích cực trong phiên trước khi suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành trước áp lực bán mạnh tại vùng kháng cự quan trọng 152x. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới là hiện hữu, cơ hội hồi phục trở lại quanh vùng hỗ trợ gần 1510 vẫn được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Long khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ, nhưng dừng lỗ nếu bị phá vỡ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

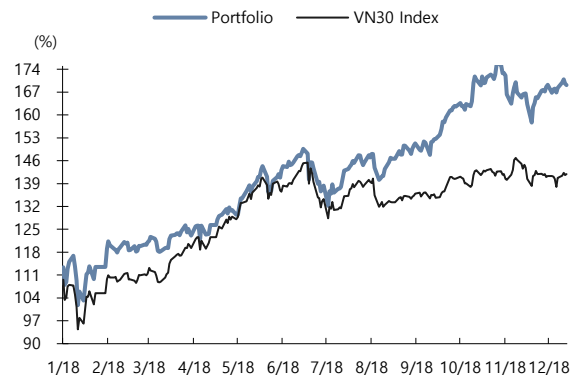
KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

So sánh hiệu suất với VN30 Index



| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 0.24% | -0.27% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 41.92% | 69.15% |

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 30/12/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 134,300 | -0.1% | 73.8% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 62,500 | -1.3% | 182.5% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 92,500 | -0.8% | 20.7% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tân Uyên (NTC) | 11/11/2021 | 192,400 | 3.7% | 0.2% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 69,900 | -0.6% | 105.6% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 93,600 | 0.0% | 221.5% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 33,800 | -1.0% | 78.8% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 97,000 | 0.0% | 32.2% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phát Group (HPG) | 04/12/2019 | 45,700 | -0.2% | 215.7% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinh Bắc City Development (KBC) | 09/03/2020 | 59,000 | -2.5% | 330.7% | - Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VHM | -0.1% | 23.3% | 31.4 |
| SSI | 5.9% | 38.3% | 29.5 |
| VCG | -2.1% | 1.3% | 24.1 |
| VND | 4.8% | 18.6% | 23.0 |
| CTD | 1.4% | 46.4% | 17.3 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | -0.2% | 23.7% | -141.4 |
| CII | -2.7% | 16.2% | -31.7 |
| STB | 3.4% | 17.4% | -22.6 |
| MSN | -0.3% | 31.8% | -21.3 |
| NLG | -1.3% | 32.0% | -16.5 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCS | 2.2% | 3.7% | 7.5 |
| PTI | 0.0% | 37.7% | 4.4 |
| PVS | 2.6% | 7.2% | 3.1 |
| PVI | -0.6% | 56.9% | 2.4 |
| PVC | 3.6% | 0.5% | 1.3 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| DIH | -5.0% | 0.7% | -1.5 |
| RCL | -1.0% | 1.5% | -1.2 |
| ART | 9.4% | 0.8% | -0.7 |
| IVS | 8.6% | 70.5% | -0.5 |
| PVG | -0.7% | 1.3% | -0.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | 6.1% | ADG, PNC |
| Ngân hàng | 5.9% | VPB, SSB |
| Dịch vụ tài chính | 5.8% | SSI, VND |
| Dầu khí | 2.8% | PLX, PVD |
| Tài nguyên Cơ bản | 2.4% | HPG, HSG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Hóa chất | -4.5% | GVR, DPM |
| Y tế | -3.1% | DHG, TNH |
| Ô tô và phụ tùng | -1.5% | SVC, HHS |
| Công nghệ thông tin | -0.9% | SAM, SGT |
| Bất động sản | -0.7% | VHM, VIC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | 22.7% | YEG, ADG |
| Xây dựng và Vật Liệu | 9.3% | CII, ROS |
| Ô tô và phụ tùng | 8.8% | TCH, HHS |
| Thực phẩm và đồ uống | 3.1% | MSN, HAG |
| Du lịch và Giải trí | 3.0% | VJC, HVN |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Y tế | -13.5% | PME, TNH |
| Bảo hiểm | -7.6% | BVH, BMI |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -5.4% | PNJ, MSH |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -5.4% | GEX, TMS |
| Tài nguyên Cơ bản | -4.9% | VPG, TNT |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm) | GTGD (VND tỷ, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 328,662 (14.4) | 22.5 | 98.1 | 69.0 | 14.7 | 4.2 | 5.7 | 3.9 | 3.7 | -0.5 | -1.0 | -9.5 | -1.2 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 562,858 (24.6) | 26.6 | 9.8 | 8.8 | 35.9 | 31.5 | 27.5 | 2.9 | 2.2 | -0.1 | -1.1 | -3.5 | 18.5 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 230,018 (10.0) | 17.8 | 37.6 | 24.2 | -7.6 | 6.1 | 9.0 | 2.3 | 2.1 | -0.2 | -1.6 | 2.3 | -2.9 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 430,342 (18.8) | 31.3 | 40.4 | 29.4 | 6.7 | 13.8 | 13.9 | 5.4 | 4.8 | -0.8 | 0.0 | 2.8 | 135.1 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 109,866 (4.8) | 11.6 | 30.4 | 22.5 | 18.0 | 13.5 | 15.7 | 3.4 | 3.2 | -1.7 | 0.8 | 12.2 | 95.6 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 381,550 (16.7) | 13.9 | 16.3 | 13.1 | - | 16.5 | 16.4 | 2.4 | 2.0 | -2.0 | 3.1 | 7.0 | 152.4 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 100,152 (4.4) | 6.3 | 18.8 | 15.7 | 11.7 | 20.5 | 20.4 | 3.3 | 2.5 | -1.4 | 2.5 | 1.2 | 2.2 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 76,181 (3.3) | 12.7 | 19.5 | 14.7 | -5.3 | 13.2 | 15.5 | 2.1 | 1.9 | 0.6 | 2.6 | 0.3 | -7.1 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 477,864 (20.9) | 0.0 | 10.0 | 8.4 | 14.3 | 21.0 | 20.0 | 1.9 | 1.5 | 0.4 | 4.1 | -4.8 | 56.5 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 267,654 (11.7) | 1.4 | 12.4 | 9.0 | 61.1 | 16.3 | 19.6 | 1.7 | 1.4 | -1.0 | 5.0 | 0.7 | 26.3 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 600,648 (26.2) | 0.0 | 12.4 | 10.4 | 18.8 | 18.0 | 16.1 | 1.8 | 1.6 | 1.9 | 9.3 | -6.1 | 96.1 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 236,233 (10.3) | 0.0 | 9.0 | 7.5 | 14.6 | 21.7 | 21.7 | 1.7 | 1.4 | 0.5 | 4.2 | -1.9 | 68.5 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 176,486 (7.7) | 4.2 | 10.6 | 9.5 | 23.3 | 20.9 | 19.9 | 2.1 | 1.7 | 0.0 | 14.0 | 0.3 | 61.1 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 476,772 (20.8) | 14.0 | 18.5 | 13.9 | 26.5 | 10.0 | 11.4 | 1.7 | 1.5 | 3.4 | 11.3 | 5.5 | 80.5 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 243,518 (10.6) | 0.0 | 13.6 | 11.1 | 37.5 | 21.2 | 20.2 | 2.5 | 2.0 | -1.5 | 11.0 | 22.0 | 105.3 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 31,316 (1.4) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -1.2 | 15.8 | 23.4 | 75.6 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 51,283 (2.2) | 21.0 | 22.2 | 18.6 | 15.8 | 9.1 | 10.1 | 1.9 | 1.8 | -0.2 | 0.4 | -9.7 | -16.5 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 26,659 (1.2) | 14.2 | 21.8 | 18.7 | 9.1 | 10.9 | 12.6 | 2.0 | 1.9 | 2.4 | -3.1 | -3.7 | 70.4 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 949,987 (41.5) | 55.4 | 23.0 | 25.1 | -3.2 | 17.7 | 13.7 | - | - | 5.9 | 7.3 | -5.9 | 140.6 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 218,936 (9.6) | 71.9 | 17.7 | - | -4.0 | 25.0 | 25.8 | - | - | 2.9 | 4.8 | -7.4 | 154.0 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 202,464 (8.8) | 52.4 | 17.3 | - | -19.0 | 23.0 | 21.4 | - | - | 4.4 | 5.9 | -6.2 | 91.9 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 17,211 | 5,734 (249) | 526,022 (23.0) | 27.2 | - | - | 36.3 | 31.7 | 19.8 | - | - | 4.8 | 5.1 | 4.8 | 341.0 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 148,134 (6.5) | 42.1 | 17.6 | 16.7 | 4.0 | 33.3 | 33.8 | 5.3 | 5.1 | 0.1 | 0.7 | -2.6 | -21.6 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 20,923 (0.9) | 36.9 | 27.4 | 22.1 | 7.3 | 17.6 | 19.4 | 4.3 | 3.7 | 0.4 | 1.4 | -3.3 | -23.6 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 595,077 (26.0) | 16.5 | 39.4 | 31.2 | -51.9 | 31.6 | 23.1 | 9.2 | 7.2 | -0.3 | 0.3 | 14.9 | 92.9 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 206,803 (9.0) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -4.8 | 10.6 | 47.4 | -10.7 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 95,146 (4.2) | 11.0 | - | 54.9 | -88.5 | 1.0 | 10.1 | - | - | 0.6 | 1.7 | 2.9 | 0.8 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 77,128 (3.4) | 10.8 | 39.5 | 26.8 | -57.0 | 8.6 | 12.2 | 2.4 | 2.3 | 2.9 | 2.2 | -5.0 | 45.1 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 390,037 (17.0) | 38.4 | 187.5 | 25.0 | 65.7 | 1.3 | 8.2 | 2.2 | 2.1 | -2.7 | 18.7 | 56.2 | 116.8 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 424,863 (18.5) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | -5.6 | 2.3 | 94.8 | 433.6 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 564,561 (24.7) | 37.7 | - | - | -13.2 | 12.3 | 11.9 | - | - | 2.7 | 10.1 | 15.4 | 130.9 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 81,216 (3.5) | 3.6 | 59.0 | 21.2 | -52.4 | 1.6 | 4.5 | 0.9 | 0.9 | 1.4 | 12.3 | 34.4 | 38.4 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 51,623 (2.3) | 0.0 | 12.7 | 10.1 | -4.5 | 11.9 | 13.2 | 1.6 | 1.4 | -0.6 | -0.1 | -0.9 | 42.8 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm) | GTGD (VND triệu, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 83,876 (3.7) | 46.1 | 19.1 | 15.7 | -17.5 | 19.7 | 22.3 | 3.7 | 3.4 | 0.0 | 1.9 | -1.3 | 12.0 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 49,461 (2.2) | 31.4 | 13.8 | 10.4 | -10.5 | 12.6 | 15.7 | 1.7 | 2.1 | 0.6 | 0.2 | 18.2 | 7.1 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 8,475 (0.4) | 34.1 | 17.4 | 13.3 | -5.1 | 8.9 | 11.6 | 1.5 | 1.5 | -1.4 | -2.6 | 5.2 | -1.2 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 828,643 (36.2) | 18.0 | 5.5 | 6.5 | 21.9 | 45.3 | 29.6 | 2.1 | 1.6 | -0.2 | 1.7 | -6.6 | 48.8 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 282,969 (12.4) | 36.5 | 8.1 | 10.3 | -0.5 | 28.4 | 19.3 | 2.0 | 1.8 | 2.9 | -9.2 | 0.0 | 168.1 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 248,878 (10.9) | 46.5 | 15.6 | 11.3 | -4.5 | 19.8 | 22.4 | 2.8 | 2.6 | 0.6 | -6.2 | -4.2 | 160.0 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 235,076 (10.3) | 38.9 | 6.0 | 6.7 | 67.9 | 25.0 | 19.2 | 1.3 | 1.1 | 0.0 | 5.1 | -6.7 | 83.3 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 154,447 (6.7) | 97.2 | 26.3 | 22.9 | 17.2 | - | - | 1.4 | 1.4 | -2.6 | -1.9 | 24.6 | 60.4 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 67,812 (3.0) | 4.6 | 24.9 | 17.2 | -51.0 | 14.7 | 16.3 | 3.0 | 3.0 | 0.0 | 2.3 | -0.2 | -1.1 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 159,945 (7.0) | 39.9 | 180.3 | 25.4 | -11.9 | 0.5 | 4.2 | 0.9 | 0.9 | 0.2 | 5.6 | 10.8 | 86.1 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 55,070 (2.4) | 35.9 | 11.4 | 9.2 | 1.2 | 14.3 | 16.7 | 1.5 | 1.4 | 0.4 | 0.4 | 0.8 | 70.0 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 111,885 (4.9) | 0.0 | 20.8 | 15.1 | 13.7 | 26.6 | 28.3 | 4.8 | 3.8 | -0.1 | 0.5 | -3.3 | 69.4 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 41,337 (1.8) | 0.0 | 22.6 | 15.5 | 2.4 | 18.4 | 22.9 | 3.7 | 3.2 | -0.8 | -1.3 | -5.5 | 14.2 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 12,376 (0.5) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 7.0 | 2.9 | 44.1 | -46.9 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 101,090 (4.4) | 30.3 | 49.5 | 48.9 | -75.2 | 13.4 | 12.6 | 6.4 | 5.8 | 0.5 | 18.8 | 80.2 | 226.6 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 48,118 (2.1) | 34.6 | 25.6 | 10.4 | 41.2 | 13.4 | 30.4 | 2.9 | 2.6 | 0.0 | -5.6 | -4.2 | 12.4 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 7,597 (0.3) | 45.4 | 19.1 | 18.0 | 10.7 | 21.7 | 21.1 | 3.8 | 3.5 | 0.4 | -7.6 | 10.6 | 9.5 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | 329 (0.0) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 121,022 (5.3) | 0.0 | 20.3 | 16.6 | 15.5 | 24.0 | 25.3 | 4.3 | 3.9 | 0.0 | 0.4 | -3.6 | 82.1 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.